

TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2017

Số: 163/MB - TCKT
V/v: CBTT báo cáo tài chính năm 2016
(đã kiểm toán)

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc
2. Mã chứng khoán: PMB
3. Địa chỉ Trụ sở chính: Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
4. Điện thoại: 04.35378256 Fax: 04.35378255
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Trần Nguyễn - Phó Giám đốc
6. Nội dung thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc được lập 31/12/2016 (đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán).
 - 6.2 Giải trình chênh lệch LNST giảm hơn 10% so với cùng kỳ năm trước:

a) **Chỉ tiêu thay đổi so với cùng kỳ:**

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	Chênh lệch tăng, giảm	Tỷ lệ tăng, giảm (%)
		1	2	3 = 1 - 2	4
1	Tổng doanh thu	1.319.564.838.277	1.443.647.464.280	(124.082.626.003)	-9%
2	Chi phí (không bao gồm giá vốn)	54.184.396.656	44.806.706.951	9.377.689.705	21%
3	Lợi nhuận trước thuế	25.935.989.616	32.447.920.996	(6.511.931.380)	-20%
4	Lợi nhuận sau thuế	20.672.876.602	25.179.482.248	(4.506.605.646)	-18%

th

b) Nguyên nhân:

❖ *Do doanh thu giảm so với cùng kỳ năm 2015:*

- Do ảnh hưởng của giá dầu thế giới giảm, làm cho giá các mặt hàng phân bón trên thế giới cũng theo đà giảm theo. Mặt hàng Ure Phú Mỹ (mặt hàng chủ lực) của Công ty cũng chịu ảnh hưởng theo chiều hướng bất lợi, giá bán thực tế giảm sâu so với giá bán kế hoạch (giá thực hiện chỉ bằng 81% giá kế hoạch);

❖ *Do chi phí bán hàng, quản lý tăng so với cùng kỳ năm 2015:*

- Chi phí quản lý, bán hàng tăng: So với cùng kỳ năm 2015 giá bán có xu hướng giảm sâu khiến thị trường phân bón luôn duy trì ở mức thấp, tâm lý chờ giảm giá khiến giao dịch phân bón chỉ ở mức cầm chừng. Đây là nguyên nhân khiến việc tiêu thụ phân bón gặp nhiều khó khăn;

- Do đó để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2016, Công ty đã thực hiện đồng bộ các giải pháp, chính sách bán hàng ưu đãi như: Xúc tiến thương mại, quảng cáo quảng bá thương hiệu sản phẩm, hỗ trợ vận chuyển và gửi kho cho Nhà phân phối.

Vì những nguyên nhân nêu trên dẫn đến LNST năm 2016 giảm mạnh so với năm 2015.

7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.pmb.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận: *th*

- Như trên;
- HĐQT, BKS, GD (đề b/c);
- Lưu VT, TCKT.

Đính kèm:

BCTC năm 2016 đã kiểm toán

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

NGƯỜI ĐƯỢC ỦCQBTT



PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Trần Nguyễn



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ MIỀN BẮC**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016**



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC

Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam
167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Hồng Dung	Chủ tịch	
Ông Trần Quốc Toàn	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 05/4/2016)
Ông Nguyễn Văn Quyền	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 07/6/2016)
Bà Hoàng Thị Thu Hằng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Ngọc Luận	Ủy viên	
Ông Trần Anh Dũng	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 05/4/2016)
Ông Đoàn Quốc Thịnh	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 07/6/2016)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Luận	Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Đoàn	Phó Giám đốc
Ông Phạm Trần Nguyễn	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

10011
CÔNG
CH NHIỆ
+ELO
VIỆT
3 DA -

380
NG
PH
I BÓ
TÁT D
ÊN I
ẤY -

th

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Luận
Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2017

50
T
H
IT
VA
TP
15
Y
N
V
V
AU
A
TP

th

Số: 433 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 02 năm 2017, từ trang 4 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 23 tháng 02 năm 2017
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

Hoàng Lan Hương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0898-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		170.581.669.614	166.797.315.388
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	150.834.263.839	103.536.737.376
1. Tiền	111		10.914.773.783	16.036.737.376
2. Các khoản tương đương tiền	112		139.919.490.056	87.500.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.510.311.433	11.322.662.648
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	9.484.726.270	2.200.343.752
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.588.590.364	8.907.788.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		436.994.799	214.530.896
III. Hàng tồn kho	140	8	6.974.580.760	51.471.278.753
1. Hàng tồn kho	141		7.021.099.284	51.471.281.753
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(46.518.524)	(3.000)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		262.513.582	466.636.611
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		262.513.582	326.644.281
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	139.992.330
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		22.356.455.321	25.985.979.033
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		98.374.000	112.374.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		98.374.000	112.374.000
II. Tài sản cố định	220		17.759.237.907	20.188.340.323
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	17.691.704.136	20.188.340.323
- Nguyên giá	222		34.710.443.256	34.571.219.556
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.018.739.120)	(14.382.879.233)
2. Tài sản cố định vô hình	227		67.533.771	-
- Nguyên giá	228		116.950.000	48.670.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(49.416.229)	(48.670.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		4.498.843.414	5.685.264.710
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	2.869.401.151	3.827.273.828
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.629.442.263	1.857.990.882
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		192.938.124.935	192.783.294.421

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này *hm*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		38.098.559.057	34.698.017.487
I. Nợ ngắn hạn	310		38.098.559.057	34.698.017.487
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	8.768.222.031	9.153.572.788
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	7.938.980.424	9.655.681.822
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	2.285.538.267	2.949.685.412
4. Phải trả người lao động	314		-	322.893.541
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	3.871.248.215	2.855.568.049
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	12.211.334.782	6.861.447.285
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.023.235.338	2.899.168.590
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		154.839.565.878	158.085.276.934
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	154.839.565.878	158.085.276.934
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.032.669.580	8.999.025.750
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24.806.896.298	29.086.251.184
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		9.302.238.846	7.683.691.273
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		15.504.657.452	21.402.559.911
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		192.938.124.935	192.783.294.421

Hưng

Nguyễn Tiến Hưng
Người lập biểu

Ngày 23 tháng 02 năm 2017

Trần Anh Dũng

Trần Anh Dũng
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Luận

Nguyễn Ngọc Luận
Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này *th*

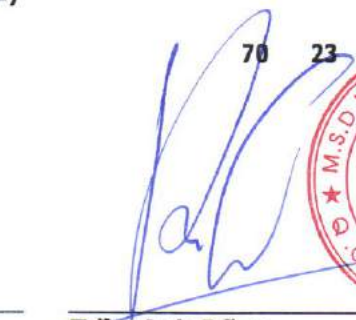
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	1.316.293.247.095	1.440.839.127.676
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		20.555.618.631	17.936.493.882
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	18	1.295.737.628.464	1.422.902.633.794
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	1.218.888.833.374	1.348.456.342.451
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		76.848.795.090	74.446.291.343
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.184.037.574	2.671.608.604
7. Chi phí bán hàng	25	21	39.012.262.019	28.552.092.843
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	15.172.134.637	16.254.614.108
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-(25+26))	30		25.848.436.008	32.311.192.996
10. Thu nhập khác	31		87.553.608	136.728.000
11. Lợi nhuận khác (40=31)	40		87.553.608	136.728.000
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		25.935.989.616	32.447.920.996
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	5.034.564.395	6.690.735.366
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		228.548.619	577.703.382
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		20.672.876.602	25.179.482.248
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	1.378	1.635


Nguyễn Tiến Hưng
Người lập biểu


Trần Anh Dũng
Kế toán trưởng


Nguyễn Ngọc Luận
Giám đốc

Ngày 23 tháng 02 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

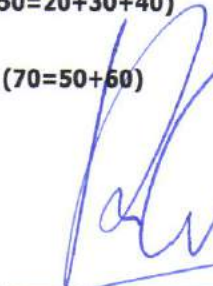
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	25.935.989.616	32.447.920.996
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.636.606.116	2.704.361.121
Các khoản dự phòng	03	46.515.524	3.000
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(3.184.037.574)	(2.674.608.604)
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	(128.128.000)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	25.435.073.682	32.349.548.513
Thay đổi các khoản phải thu	09	(393.356.916)	22.287.747.034
Thay đổi hàng tồn kho	10	44.450.182.469	(11.177.931.778)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	4.208.392.882	(7.449.029.820)
Thay đổi chi phí trả trước	12	1.022.003.376	1.233.874.679
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.966.482.455)	(7.808.887.712)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	500.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.425.020.910)	(3.770.711.946)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	62.331.292.128	25.664.608.970
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(207.503.700)	(1.331.186.000)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	3.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.173.738.035	2.535.656.701
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.966.234.335	1.207.470.701
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(18.000.000.000)	(10.800.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(18.000.000.000)	(10.800.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	47.297.526.463	16.072.079.671
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	103.536.737.376	87.464.657.705
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	150.834.263.839	103.536.737.376



Nguyễn Tiên Hưng
Người lập biểu


Trần Anh Dũng
Kế toán trưởng


Nguyễn Ngọc Luận
Giám đốc



Ngày 23 tháng 02 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc ("Công ty"), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102886450 thay đổi lần thứ 09 ngày 18 tháng 8 năm 2015 (cấp lần đầu ngày 19 tháng 8 năm 2008) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102886450 ngày 19 tháng 8 năm 2008.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 73 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 58 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn, bán lẻ phân bón (trừ loại Nhà nước cấm); Bán buôn, bán lẻ hóa chất được phép lưu hành (không bao gồm hóa chất thú y, hóa chất y tế và hóa chất bảo vệ thực vật); Quảng cáo; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm); Tổ chức giới thiệu xúc tiến thương mại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh dịch vụ kho bãi; Bán buôn hàng nông, lâm sản nguyên liệu (trừ loại lâm sản Nhà nước cấm); Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Dịch vụ tư vấn hỗ trợ sản xuất nông nghiệp (trừ loại Nhà nước cấm).

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và sản phẩm hóa chất.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

th

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN MỚI VỀ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua hàng hóa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hóa, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 15
Máy móc thiết bị	4
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Tài sản cố định khác	4

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị bản quyền trang web, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, bản quyền trang web được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê văn phòng trả trước và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng trả trước thể hiện số tiền thuê văn phòng cho nhiều kỳ đã được thanh toán cho bên cho thuê. Tiền thuê văn phòng được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí trả trước khác có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

028
CÔNG
CỔ P
IÂN
CH
MI
GI

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	191.395.158	114.278.379
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.723.378.625	15.922.458.997
Các khoản tương đương tiền (*)	139.919.490.056	87.500.000.000
	150.834.263.839	103.536.737.376

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 01 tháng đến dưới 03 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,3% đến 5%/năm.

2500
G TY
H HỮU
HTTE
NAM
TP. H

16450
G TY
H HỮU
BẮC
TP. H

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	3.484.092.883	1.573.973.164
Doanh nghiệp tư nhân Thanh Sơn	2.541.553.500	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hồng Thắng	1.403.964.950	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thiệu Yên Thanh Hoá	1.223.060.690	-
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	606.498.912
Các khách hàng khác	832.054.247	19.871.676
	9.484.726.270	2.200.343.752
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	3.484.092.883	2.180.472.076

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	2.456.379.664	8.907.788.000
Các nhà cung cấp khác	132.210.700	-
	2.588.590.364	8.907.788.000
Trả trước cho các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	2.456.379.664	8.907.788.000

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Dự phòng</u> VND	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Dự phòng</u> VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	7.407.925.000	-
Công cụ, dụng cụ	51.986.537	-	160.721.268	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	19.285.121	-
Hàng hoá	6.969.112.747	(46.518.524)	43.883.350.364	(3.000)
Cộng	7.021.099.284	(46.518.524)	51.471.281.753	(3.000)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	28.077.312.198	128.128.000	3.970.743.617	1.851.742.541	543.293.200	34.571.219.556
Mua sắm mới	-	-	-	139.223.700	-	139.223.700
Số dư cuối năm	28.077.312.198	128.128.000	3.970.743.617	1.990.966.241	543.293.200	34.710.443.256
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	10.297.138.779	-	2.313.475.893	1.602.206.348	170.058.213	14.382.879.233
Khấu hao trong năm	1.975.574.824	32.032.002	407.855.503	84.574.258	135.823.300	2.635.859.887
Số dư cuối năm	12.272.713.603	32.032.002	2.721.331.396	1.686.780.606	305.881.513	17.018.739.120
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày cuối năm	15.804.598.595	96.095.998	1.249.412.221	304.185.635	237.411.687	17.691.704.136
Tại ngày đầu năm	17.780.173.419	128.128.000	1.657.267.724	249.536.193	373.234.987	20.188.340.323

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 3.097.081.022 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 2.116.354.578 đồng).

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền thuê văn phòng	987.036.900	2.961.110.700
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.882.364.251	866.163.128
	2.869.401.151	3.827.273.828

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số có khả năng trả nợ VND	Số đầu năm VND	Số có khả năng trả nợ VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	6.586.324.931	6.586.324.931	463.118.352	463.118.352
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	-	6.661.253.861	6.661.253.861
Các nhà cung cấp khác	2.181.897.100	2.181.897.100	2.029.200.575	2.029.200.575
	8.768.222.031	8.768.222.031	9.153.572.788	9.153.572.788
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	6.586.324.931		7.283.858.969	

th

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Quyết Hiên	3.738.000.000	2.063.088.000
XN Kinh doanh Lương thực Tổng hợp đường 8 - CN Công ty CP Lương thực Hà Tĩnh	1.983.500.000	-
Công ty TNHH Việt Mỹ	1.030.235.000	3.186.100.001
Công ty Cổ phần Phân bón Phú Quý	679.762.394	2.607.488.000
Các khách hàng khác	507.483.030	1.799.005.821
	7.938.980.424	9.655.681.822
Người mua là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	405.584.408	1.389.410.723

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	<u>Lũy kế cả năm</u>			Tại ngày cuối năm
	<u>Tại ngày</u> <u>đầu năm</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	
	VND	VND	VND	
Các khoản phải trả				
Thuế GTGT hàng bán	-	224.828.927	138.003.386	86.825.541
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.803.734.412	5.034.564.395	5.966.482.455	1.871.816.352
Thuế thu nhập cá nhân	145.951.000	1.800.770.867	1.619.825.493	326.896.374
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	2.949.685.412	7.063.164.189	7.727.311.334	2.285.538.267

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải trả cán bộ nhân viên Công ty	3.725.174.004	2.760.662.108
Chi phí phải trả khác	146.074.211	94.905.941
	3.871.248.215	2.855.568.049

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Chiết khấu thương mại	4.275.963.100	5.589.845.049
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.660.000.000	-
Kinh phí công đoàn	67.350.608	36.244.360
Phải trả ngắn hạn khác	208.021.074	1.235.357.876
	12.211.334.782	6.861.447.285

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Công VND
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	120.000.000.000	8.999.025.750	18.483.691.273	147.482.717.023
Lợi nhuận trong năm	-	-	25.179.482.248	25.179.482.248
Trích quỹ	-	-	(3.776.922.337)	(3.776.922.337)
Trả cổ tức	-	-	(10.800.000.000)	(10.800.000.000)
Số dư cuối năm trước	120.000.000.000	8.999.025.750	29.086.251.184	158.085.276.934
Số dư đầu năm nay	120.000.000.000	8.999.025.750	29.086.251.184	158.085.276.934
Lợi nhuận trong năm	-	-	20.672.876.602	20.672.876.602
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	(5.918.587.658)	(5.918.587.658)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	1.033.643.830	(1.033.643.830)	-
Chia cổ tức (i)	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	120.000.000.000	10.032.669.580	24.806.896.298	154.839.565.878

- (i) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 13/NQ-ĐHCD ngày 05 tháng 4 năm 2016, cổ tức năm 2015 được Đại Hội đồng cổ đông phê duyệt là 18.000.000.000 đồng. Số cổ tức trên đã được Công ty thanh toán hết bằng tiền trong năm 2016. Đồng thời, Công ty cũng thực hiện trích lập bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015 với số tiền là 1.784.012.338 đồng, tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ đầu tư phát triển năm 2016 với số tiền lần lượt là 4.134.575.320 đồng và 1.033.643.830 đồng tương ứng lần lượt với 20% và 5% lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102886450 thay đổi lần thứ 09 ngày 18 tháng 8 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	VND	%	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	90.000.000.000	75,00%	90.000.000.000	90.000.000.000
Công ty TNHH Toàn Xuân	3.600.000.000	3,00%	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty TNHH Hồng Thành	3.600.000.000	3,00%	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toàn Vân	3.600.000.000	3,00%	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty TNHH Bằng Tuyên	3.600.000.000	3,00%	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Sâm	3.600.000.000	3,00%	3.600.000.000	3.600.000.000
Các cổ đông khác	12.000.000.000	10,00%	12.000.000.000	12.000.000.000
	120.000.000.000	100%	120.000.000.000	120.000.000.000

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 18 và 19.

Trong năm, các sản phẩm phân bón của Công ty được tiêu thụ chủ yếu ở khu vực Miền Bắc, Công ty không có hoạt động xuất khẩu, theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu Ure Phú Mỹ	1.017.316.887.000	1.226.488.189.000
Doanh thu hàng hóa khác	274.661.275.250	195.543.879.902
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.315.084.845	18.807.058.774
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.316.293.247.095	1.440.839.127.676
Chiết khấu thương mại	(20.555.618.631)	(17.936.493.882)
Doanh thu thuần	1.295.737.628.464	1.422.902.633.794
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	396.446.519.508	450.157.375.856

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn Ure Phú Mỹ	934.458.264.489	1.141.065.468.193
Giá vốn hàng hóa khác	262.039.263.623	189.136.714.906
Giá vốn cung cấp dịch vụ	22.391.305.262	18.254.159.352
	1.218.888.833.374	1.348.456.342.451

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	21.646.921.793	17.085.757.133
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.636.606.116	2.704.361.121
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.841.223.895	37.991.722.236
Chi phí khác bằng tiền	3.743.335.513	4.092.185.533
	83.868.087.317	61.874.026.023

thư

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên bán hàng	14.058.426.677	9.375.023.966
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	400.412.068	63.363.891
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.251.800.831	2.180.703.585
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.144.041.714	15.518.816.854
Chi phí bằng tiền khác	1.157.580.729	1.414.184.547
	39.012.262.019	28.552.092.843
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	7.588.495.116	7.710.733.167
Chi phí đồ dùng văn phòng	311.652.408	228.094.576
Chi phí khấu hao TSCĐ	384.805.285	523.657.536
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.013.491.520	5.405.586.310
Chi phí bằng tiền khác	1.870.690.308	2.383.542.519
	15.172.134.637	16.254.614.108

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	25.935.989.616	32.447.920.996
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	285.623.800	508.536.950
Chi phí chiết khấu và chi phí trích trước	8.147.211.315	8.445.413.098
Trừ: Thu nhập không tính thuế	-	-
Chi phí chiết khấu tạm tính và chi phí trích trước năm trước đã đủ điều kiện ghi nhận năm nay	8.445.413.098	11.071.337.563
Thu nhập chịu thuế	25.923.411.633	30.330.533.481
Thuế suất	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.015.774.063	6.672.717.366
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước bổ sung	18.790.332	18.018.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.034.564.395	6.690.735.366
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	228.548.619	577.703.382

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.672.876.602	25.179.482.248
- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	(4.134.575.320)	(5.560.934.675)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.538.301.282	19.618.547.573
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.378	1.635

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.974.073.800	1.974.073.800

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty TNHH Toàn Xuân	Cổ đông của Công ty
Công ty TNHH Hồng Thành	Cổ đông của Công ty
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toàn Văn	Cổ đông của Công ty
Công ty TNHH Bằng Tuyên	Cổ đông của Công ty
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Hà Nội	Cổ đông của Công ty
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Sâm	Cổ đông của Công ty
Doanh nghiệp Tư nhân Thanh Sơn	Cổ đông của Công ty
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Nam	Cổ đông của Công ty
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc	Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Thanh Hoá	Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Hoá Dầu và Xơ Sợi Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	Công ty cùng Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Đơn vị phụ thuộc Công ty mẹ

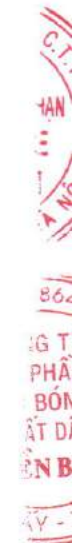


thw

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	396.446.519.508	450.157.375.856
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	20.503.010.501	14.404.932.311
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	2.273.302.610	4.100.376.570
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	354.600.000	3.634.500.000
Doanh nghiệp Tư nhân Thanh Sơn	76.106.106.525	9.965.000.000
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc	12.723.566.000	3.820.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	-	4.699.155.000
Công ty TNHH Toàn Xuân	20.090.900.000	14.802.750.000
Công ty TNHH Hồng Thành	32.437.187.400	64.823.930.500
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toàn Văn	23.654.467.114	26.132.484.000
Công ty TNHH Bằng Tuyên	30.911.060.980	32.986.700.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Sâm	2.047.500.000	55.788.165.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Hà Nội	74.433.789.677	57.572.030.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Nam	52.235.008.956	122.827.352.475
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	48.676.019.745	34.600.000.000
Giá trị hàng mua và dịch vụ cung cấp	1.145.135.178.457	1.342.302.880.761
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.018.287.490.000	1.128.119.069.980
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	126.847.688.457	214.183.810.781
Thu nhập của Ban Giám đốc và Chủ tịch Công ty	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	4.083.192.709	4.160.144.555
	4.083.192.709	4.160.144.555




the

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải thu khách hàng	3.484.092.883	2.180.472.076
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	606.498.912
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	3.484.092.883	1.573.973.164
Công ty Cổ phần Hoá Dầu và Xơ Sợi Dầu khí	-	-
Trả trước nhà cung cấp	2.456.379.664	8.907.788.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	2.456.379.664	8.907.788.000
Phải thu khác	211.480.260	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	211.480.260	-
Phải trả nhà cung cấp	6.586.324.931	7.283.858.969
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	6.586.324.931	463.118.352
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	6.661.253.861
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	-	159.486.756
Phải trả khác	-	1.147.503.234
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	1.147.503.234
Các khoản người mua trả tiền trước	405.584.408	1.389.410.723
Công ty TNHH Toàn Xuân	-	2.250.000
Công ty TNHH Hồng Thành	-	8.030.000
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toàn Vân	186.509.598	92.931.375
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	-	360.000.000
Công ty TNHH Bằng Tuyên	-	108.921.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Hà Nội	-	340.958.628
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Sâm	-	398.040.220
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Nam	91.693.000	68.049.000
Công ty CP Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc	62.346.440	-


Nguyễn Tiên Hưng
Người lập biểu


Trần Anh Dũng
Kế toán trưởng


Nguyễn Ngọc Luận
Giám đốc

Ngày 23 tháng 02 năm 2017

H H H

C.T.C.P
DẦU KHÍ
HÀ NỘI

